[Vào Tab MyExcel, chọn Kích hoạt để không còn chữ Demo và không còn dòng chữ này] 0984.24.23.27

**CTY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM**
**CK 2024 TAM TINH 6Thang** **VND**

**STT** **241**

| LS1474 | ĐVT | Số tiền chưa bao gồm vat | Thuế GTGT | Số tiền bao gồm vat | ĐÃ XUẤT HÓA ĐƠN | | | | CHƯA XUẤT HÓA ĐƠN | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | NET | TS | VAT | Gross | NET | TS | VAT | Gross |
| **Doanh số** | **VND** | **55,275,224** | **4,422,012** | **59,697,236** | | | | | | | | |
| Chiết khấu có điều kiện theo năm | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Chiết khấu có điều kiện Quý 1 | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Chiết khấu có điều kiện Quý 2 | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Chiết khấu có điều kiện Quý 3 | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Chiết khấu có điều kiện Quý 4 | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Chiết khấu có điều kiện riêng cho nhãn hàng | 0.00% | 0 | 0 | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 | 2,211,009 | 8% | 176,881 | 2,387,890 |
| Chiết khấu không điều kiện theo năm | 4.00% | 2,211,009 | 176,881 | 2,387,890 | | | | | | | | |
| Chiết khấu không điều kiện riêng cho nhãn hàng thứ 1 | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Chiết khấu không điều kiện riêng cho nhãn hàng thứ 2 | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Chiết khấu theo CTKM riêng | VND | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Thưởng thanh toán đúng hạn | 0.000% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phạt thanh toán trễ hạn | 0.000% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ hao hụt | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí marketing theo phụ lục riêng | 0.00% + 0 VND | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí catalog theo phụ lục riêng | 0.00% + 0 VND | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ quảng cáo | 0.00% + 0 VND | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ sự kiện đặc biệt | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ sự kiện trực tuyến | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ thẻ khách hàng | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí trưng bày | 2.00% + 0 VND | 1,105,504 | 88,440 | 1,193,944 | 736,126 | 8% | 58,890 | 795,016 | 369,378 | 8% | 29,550 | 398,928 |
| Phí hỗ trợ khuyến mãi | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ sản phẩm chủ lực | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ khai trương | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ Tết | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ tất niên | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ sự kiện sinh nhật | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí hỗ trợ khác | 0.00% + 0 VND | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí catalog | 0.00% | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| Phí mở mã mới & quản lý mã hàng | 0 SKU | 0 | 0 | 0 | | | | | | | | |
| **TC chiết khấu phát sinh năm 2024** | | **3,316,513** | **265,321** | **3,581,834** | **736,126** | **0** | **58,890** | **795,016** | **369,378** | | **29,550** | **398,928** |
| **Đã thu/Đã cấn trừ đến 17/07/24** | | **2,385,049** | | | | | | | | | | |
| **Còn phải cấn trừ đến 17/07/24** | | **1,196,785** | | | | | | | | | | |